

**GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018
SO VỚI NĂM 2017**

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2018

Của Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 15 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		610.418.575.421	501.620.898.869
110	I. Tiền	4	129.160.069.556	54.720.698.092
111	1. Tiền		129.160.069.556	54.720.698.092
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		196.644.811.511	189.452.404.283
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	168.469.465.020	188.029.903.127
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	4.432.814.767	923.423.642
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	31.526.931.520	7.787.395.413
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1,6	(7.784.399.796)	(7.288.317.899)
140	III. Hàng tồn kho	8	256.666.768.994	249.533.311.609
141	1. Hàng tồn kho		257.859.099.387	250.817.657.592
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.192.330.393)	(1.284.345.983)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		27.946.925.360	7.914.484.885
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	18.625.155.222	7.914.484.885
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.321.770.138	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.067.494.759.622	1.142.169.934.393
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.648.195.221	1.061.401.801
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	5.648.195.221	1.061.401.801
220	II. Tài sản cố định		768.900.115.942	890.992.369.180
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	768.352.194.420	890.303.225.015
222	Nguyên giá		2.894.729.827.713	2.889.933.974.172
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.126.377.633.293)	(1.999.630.749.157)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	547.921.522	689.144.165
228	Nguyên giá		2.168.923.370	2.168.923.370
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.621.001.848)	(1.479.779.205)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		89.062.600.449	47.612.215.804
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	89.062.600.449	47.612.215.804
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		12.000.000.000	12.000.000.000
255	1. Các khoản đầu tư tài chính	13	12.000.000.000	12.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		191.883.848.010	190.503.947.608
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	62.478.415.381	63.557.137.918
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	8	129.405.432.629	126.946.809.690
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.677.913.335.043	1.643.790.833.262

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01a - DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		737.577.574.888	722.514.619.405
310	I. Nợ ngắn hạn		698.980.458.552	688.554.690.256
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	334.091.780.926	228.417.096.097
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.245.371.099	10.994.372.995
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	12.187.555.853	17.145.923.323
314	4. Phải trả người lao động		25.166.942.194	26.836.633.520
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	18.091.972.343	14.966.512.785
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	18.141.206.954	17.735.858.698
320	7. Vay ngắn hạn	18	286.704.146.040	359.154.048.695
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	19	3.351.483.143	13.304.244.143
330	II. Nợ dài hạn		38.597.116.336	33.959.929.149
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	37.010.971.034	32.898.527.348
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	1.586.145.302	1.061.401.801
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		940.335.760.155	921.276.213.857
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	940.335.760.155	921.276.213.857
411	1. Vốn cổ phần		720.000.000.000	720.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		720.000.000.000	720.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		19.138.086.811	19.138.086.811
415	3. Cổ phiếu quỹ		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		208.210.192.057	208.210.192.057
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.186.943.749	2.127.397.451
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.127.397.451	522.233.138
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		19.059.546.298	1.605.164.313
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.677.913.335.043	1.643.790.833.262



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến ngày 31/12/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.734.375.639.478	1.421.717.662.995
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.734.375.639.478	1.421.717.662.995
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(1.524.899.638.375)	(1.232.079.538.789)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		209.476.001.103	189.638.124.206
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		1.137.953.465	851.081.537
22	7. Chi phí tài chính	24	(19.914.348.170)	(24.858.680.911)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(19.880.386.365)	(24.774.359.777)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(99.909.301.696)	(78.649.401.032)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(71.160.918.603)	(82.793.099.238)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.629.386.099	4.188.024.562
31	11. Thu nhập khác	26	3.863.005.885	2.207.406.590
32	12. Chi phí khác	26	(300.000.000)	(288.317.324)
40	13. Lợi nhuận khác		3.563.005.885	1.919.089.266
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.192.391.984	6.107.113.828
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(20.402.000)	(388.956.624)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(4.112.443.686)	(4.112.992.891)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		19.059.546.298	1.605.164.313
70	18. Lãi trên cổ phiếu	30		
	- Lãi cơ bản		275	23
	- Lãi suy giảm		275	23

B. GIẢI TRÌNH

Theo thông tin công bố, lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty lãi 19 tỷ đồng, tăng 17,45 tỷ đồng so với thực hiện năm 2017 (LNST năm 2017 là 1,61 tỷ đồng) chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Sản lượng sản xuất clinker tăng 138 ngàn tấn (năm 2018 sản xuất đạt 1.400.097 tấn, năm 2017 tương ứng đạt 1.261.883 tấn) làm lợi nhuận tăng 11,9 tỷ đồng.

- Sản lượng sản xuất xi măng tăng 384 ngàn tấn (năm 2018 sản xuất đạt 1.743.092 tấn, năm 2017 tương ứng đạt 1.358.158 tấn) làm lợi nhuận tăng 22,3 tỷ đồng.

- Giá than bình quân tăng 31đồng/kcal (năm 2018 là 365đồng/kcal, năm 2017 là 395đồng/kcal) làm lợi nhuận giảm 16,9 tỷ đồng.

Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết và công bố thông tin theo quy định.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.ximanghoangmai.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Đậu Thị Nga

